

Số: 434 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 07 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch kiểm tra thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính
năm 2024 trên địa bàn tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư 14/2021/TT-BTP ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 15/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

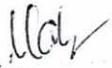
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 480/TTr-STP ngày 29/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tư pháp; Kế hoạch và Đầu tư; Công thương; Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Tân Biên, Tân Châu, Dương Minh Châu và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Bộ Tư pháp;
- Cục QLXLVPHC&TDTHPL-BTP;
- Cục Công tác phía Nam-BTP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- LĐVP;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Võ Đức Trọng



KẾ HOẠCH

Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 434./QĐ-UBND ngày 07/3/2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; động viên, khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; phát hiện những hạn chế, vướng mắc, bất cập, sai sót, vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục, xử lý.

- Phòng, chống, ngăn chặn các vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong việc tổ chức thực hiện, áp dụng pháp luật nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Phát hiện các quy định chưa thống nhất, đồng bộ hoặc chưa phù hợp với thực tiễn để kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc đề xuất kiến nghị các biện pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và chỉ đạo tổ chức thực hiện hiệu quả.

2. Yêu cầu

- Công tác kiểm tra phải đảm bảo nguyên tắc khách quan, công khai, minh bạch toàn diện và hiệu quả. Hoạt động kiểm tra phải đánh giá được kết quả triển khai và chỉ ra những hạn chế, vướng mắc, bất cập, sai sót, vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của cơ quan, đơn vị được kiểm tra.

- Bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan, không trùng lặp với hoạt động thanh tra, kiểm tra khác đối với một đơn vị trong cùng thời gian; không gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đối tượng được kiểm tra.

- Kết hợp giữa việc tự kiểm tra của đối tượng được kiểm tra với việc kiểm tra của cơ quan, người có thẩm quyền.

- Tổng hợp các quy định chưa thống nhất, đồng bộ hoặc chưa phù hợp với thực tiễn đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

II. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC KIỂM TRA, ĐỊA ĐIỂM KIỂM TRA, NỘI DUNG KIỂM TRA, THỜI GIAN DỰ KIẾN KIỂM TRA, THỜI HẠN KIỂM TRA

1. Đối tượng được kiểm tra

Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Công thương; Thông tin và Truyền thông; Ủy ban nhân dân các huyện: Tân Biên, Tân Châu và Dương Minh Châu.

2. Địa điểm kiểm tra

Tại trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị được kiểm tra.

3. Nội dung kiểm tra

3.1. Nội dung kiểm tra việc áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính

a) Tổng số vụ vi phạm; tổng số vụ vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính; số vụ vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý; số vụ chuyển cơ quan tố tụng để truy cứu trách nhiệm hình sự; số vụ việc cơ quan tố tụng chuyển để xử phạt vi phạm hành chính;

b) Việc thực hiện các quy định pháp luật về thẩm quyền, thủ tục lập biên bản vi phạm hành chính và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

c) Tình hình, kết quả thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

d) Việc thực hiện các quy định pháp luật về giải trình;

đ) Việc thực hiện các quy định pháp luật về thẩm quyền, thủ tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt vi phạm hành chính;

e) Việc quản lý tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, chứng từ thu nộp tiền phạt;

g) Việc lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

3.2. Nội dung kiểm tra việc áp dụng pháp luật về các biện pháp xử lý hành chính:

a) Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; số đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

b) Việc thực hiện các quy định pháp luật về lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

c) Tình hình, kết quả thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

d) Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm thi hành quyết định xử lý hành chính;

đ) Những dấu hiệu vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền áp dụng pháp luật về các biện pháp xử lý hành chính và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

e) Việc lưu trữ hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

3.3. Nội dung kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

a) Công tác chỉ đạo, điều hành; việc xây dựng và tiến độ, kết quả triển khai kế hoạch quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

b) Tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến xử lý vi phạm hành chính; kết quả theo dõi chung tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

c) Tổ chức công tác phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ;

d) Việc bố trí nguồn lực và các điều kiện khác để bảo đảm cho việc thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; tổng số người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo từng chức danh tại cơ quan, đơn vị;

đ) Việc thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về xử lý vi phạm hành chính;

e) Việc thực hiện trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện và áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật khác có liên quan đến xử lý vi phạm hành chính.

4. Thời gian dự kiến kiểm tra

- Dự kiến quý III năm 2024.

- Ngoài ra, tùy tình hình nhiệm vụ công tác, Đoàn kiểm tra sẽ linh hoạt lựa chọn phương thức kiểm tra phù hợp (*trực tiếp hoặc yêu cầu đơn vị tự kiểm tra, báo cáo kết quả thực hiện và cung cấp hồ sơ để Đoàn đối chiếu, kiểm chứng*).

5. Thời hạn kiểm tra: 07 ngày làm việc kể từ ngày tiến hành kiểm tra; trường hợp cần thiết thì người có thẩm quyền kiểm tra có thể gia hạn thêm nhưng không quá 07 ngày làm việc.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các biện pháp tổ chức thực hiện

- Đoàn kiểm tra thực hiện các nội dung công việc liên quan đến chuẩn bị kiểm tra; thông báo lịch kiểm tra cụ thể tới đơn vị và lựa chọn phương thức kiểm tra phù hợp với tình hình thực tế.

- Thực hiện việc theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kết luận kiểm tra theo quy định tại Chương III Nghị định 19/2020/NĐ-CP ngày 12/2/2020 của Chính phủ về kiểm tra xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Các cơ quan, đơn vị được kiểm tra nghiêm túc thực hiện các công việc được giao trước, trong và sau khi kiểm tra.

2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện công tác kiểm tra nêu tại kế hoạch này được sử dụng trong dự toán chi thường xuyên của từng cơ quan, đơn vị.

3. Trách nhiệm thực hiện

3.1. Sở Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định kiểm tra. Trong đó, lãnh đạo Sở Tư pháp là Trưởng Đoàn kiểm tra; lãnh đạo phòng nghiệp vụ Sở Tư pháp là Phó trưởng đoàn, thành viên gồm đại diện các Sở, ngành có liên quan.

- Chuẩn bị các nội dung, tài liệu; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị được kiểm tra và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức hoạt động kiểm tra theo Kế hoạch này.

- Dự thảo Kết luận kiểm tra, tổ chức xin ý kiến đơn vị được kiểm tra về dự thảo Kết luận kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Trưởng đoàn kiểm tra, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kết luận kiểm tra.

3.2. Đối với các cơ quan, đơn vị được kiểm tra

- Xây dựng báo cáo thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính của đơn vị theo nội dung tại Mục 3 Phần II Kế hoạch này; cung cấp thông tin, hồ sơ tài liệu và giải trình những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra; trường hợp cần thiết cung cấp tang vật, phương tiện vi phạm phục vụ cho công tác xác minh, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung báo cáo, thông tin và tài liệu cung cấp.

- Bố trí lãnh đạo đơn vị làm việc với Đoàn kiểm tra và tạo điều kiện cho Đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ trong quá trình kiểm tra.

- Chấp hành kết luận kiểm tra; xử lý kết quả kiểm tra trên cơ sở kiến nghị của Đoàn kiểm tra trong kết luận kiểm tra.

- Chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng kết luận kiểm tra.

- Báo cáo thực hiện kết luận kiểm tra theo thời hạn ghi trong kết luận kiểm tra hoặc khi nhận được yêu cầu của người có thẩm quyền ban hành kết luận kiểm tra.